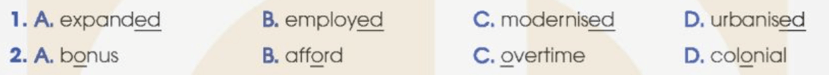
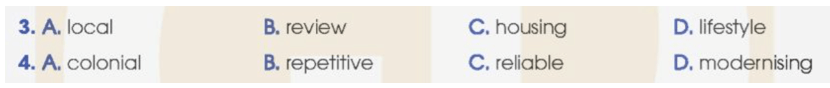
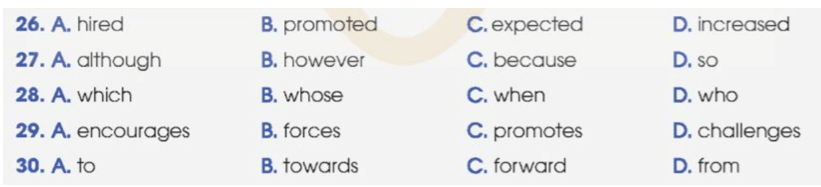
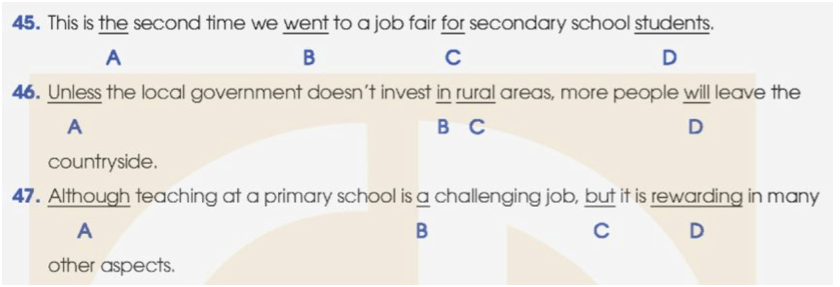
# Test yourself 2

**Giải SBT Tiếng Anh lớp 12 Test yourself 2 - Global Success**  
**(trang 64 SBT Tiếng Anh 12 Global Success):** Circle the letter A, B, C, or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions. (Khoanh tròn chữ cái A, B, C hoặc D để chỉ từ có phần gạch chân khác với ba từ còn lại về cách phát âm trong mỗi câu hỏi sau.)  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. A  
  
  
2. B  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1. Đáp án A phát âm là /ɪd/. Các đáp án còn lại phát âm là /d/  
2. Đáp án B phát âm là /ɔː/. Các đáp án còn lại phát âm là /əʊ/  
  
**(trang 64 SBT Tiếng Anh 12 Global Success):** Circle the letter A, B, C, or D to indicate the word which differs from the other three in the position of the main stress in each of the following questions. (Khoanh tròn chữ cái A, B, C hoặc D để chỉ từ khác với ba từ còn lại ở vị trí trọng âm chính trong mỗi câu hỏi sau.)  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
3. B  
  
  
4. D  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
3. Đáp án B trọng âm số 2. Các đáp án còn lại trọng âm số 1  
4. Đáp án D trọng âm số 1. Các đáp án còn lại trọng âm số 2  
  
**(trang 64 SBT Tiếng Anh 12 Global Success):** Circle the letter A, B, C, or D to indicate the words) CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions. (Khoanh tròn chữ cái A, B, C hoặc D để chỉ các từ) GẦN NHẤT về nghĩa với (các) từ được gạch chân trong mỗi câu hỏi sau đây.)  
5. Many foreigners buy properties in countries such as Greece and Portugal, so they can become of the European Union.  
A. inhabitants  
B. employees  
C. employers  
D. populations  
6. Some students do work during the holidays, so that it does not affect their studies.  
A. leisure  
B. demanding  
C. short-term  
D. relaxed  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
5. A  
  
  
6. C  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
5. residents = inhabitants (cư dân)  
6. casual = short-term (ngắn hạn)  
**Hướng dẫn dịch:**  
5. Nhiều người nước ngoài mua bất động sản ở các quốc gia như Hy Lạp và Bồ Đào Nha để có thể trở thành cư dân của Liên minh Châu Âu.  
6. Một số sinh viên đi làm bình thường trong kỳ nghỉ để không ảnh hưởng đến việc học.  
  
**(trang 64 SBT Tiếng Anh 12 Global Success):** Circle the letter A, B, C, or D to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions. (Khoanh tròn chữ cái A, B, C hoặc D để chỉ ra (các) từ TRÁI nghĩa với (các) từ được gạch chân trong mỗi câu hỏi sau đây.)  
7. Many local people don't use the city's public transport because it is not as as private vehicles.  
A. expensive  
B. unsafe  
C. responsible  
D. uncertain  
8. Editors' work is very because it requires strong attention to detail and excellent organisation skills.  
A. easy  
B. difficult  
C. challenging  
D. boring  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
7. D  
  
  
8. A  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
7. reliable (đáng tin cậy) >< uncertain (không chắc chắn)  
8. demanding (yêu cầu cao) >< easy (dễ)  
**Hướng dẫn dịch:**  
7. Nhiều người dân địa phương không sử dụng phương tiện giao thông công cộng của thành phố vì nó không đáng tin cậy bằng phương tiện cá nhân.  
8. Công việc của người biên tập rất khắt khe vì nó đòi hỏi sự chú ý cao độ đến từng chi tiết và kỹ năng tổ chức xuất sắc.  
  
**(trang 64-65 SBT Tiếng Anh 12 Global Success):** Circle the letter A, B, C, or D to complete each of the following exchanges. Then practise reading them. (Khoanh tròn chữ cái A, B, C hoặc D để hoàn thành mỗi trao đổi sau đây. Sau đó thực hành đọc chúng.)  
9. (On the plane)  
Linda: Excuse me, \_\_\_\_\_\_\_ the flight delay. I think I'll miss my connecting flight.  
Flight attendant: I'm so sorry. suggest that you submit a formal complaint on our website.  
A. I would like to complain about  
B. I'm angry about  
C. I'm not sure about   
D. I'm so worried about  
10. (Talking with a classmate at school)  
Linh: I'm giving a presentation on urbanisation in our geography class tomorrow, and \_\_\_\_\_\_\_.  
Jennifer: You've got nothing to worry about. You are a good speaker, and your slides look great!  
A. I stop thinking about it  
B. I'm afraid I made a mistake  
C. I'm really nervous about it  
D. I'm so sorry about it  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
9. A  
  
  
10. C  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
9. (Trên máy bay)  
Linda: Xin lỗi, tôi muốn khiếu nại về việc chuyến bay bị chậm trễ. Tôi nghĩ tôi sẽ lỡ chuyến bay nối chuyến.  
Tiếp viên hàng không: Tôi rất xin lỗi. đề nghị bạn gửi khiếu nại chính thức trên trang web của chúng tôi.  
10. (Nói chuyện với bạn cùng lớp ở trường)  
Linh: Ngày mai tôi sẽ thuyết trình về đô thị hóa trong lớp địa lý và tôi thực sự lo lắng về điều đó.  
Jennifer: Bạn không có gì phải lo lắng cả. Bạn là một diễn giả giỏi và các slide của bạn trông rất tuyệt!  
  
**(trang 65-66 SBT Tiếng Anh 12 Global Success):** Circle the letter A, B, C, or D to complete each of the following exchanges. Then practise reading them. (Khoanh tròn chữ cái A, B, C hoặc D để hoàn thành mỗi trao đổi sau đây. Sau đó thực hành đọc chúng.)  
11. This is the first time I \_\_\_\_\_\_ such an exciting technology fair.  
A. attended  
B. have attended  
C. am attending  
D. will attend  
12. What's the biggest challenge that you \_\_\_\_\_\_ in life so far?  
A. face  
B. faced  
C. have faced  
D. are going to face  
13. \_\_\_\_\_\_ secondary school students want to find part-time jobs so that they can gain some work experience.  
A. More and less  
B. Less and less  
C. More and more  
D. Fewer and fewer  
14. The \_\_\_\_\_\_ products the company produces, the \_\_\_\_\_\_ workers it requires.  
A. fewer … more  
B. more … bigger  
C. fewer … less  
D. more … more  
15. My mother never went to university; \_\_\_\_\_\_ she started a very successful business after finishing school.  
A. in fact  
B. as a result  
C. so that  
D. although  
16. My brother didn't like the working environment and his manager; \_\_\_\_\_\_, he decided to leave his job.  
A. moreover   
B. as a result  
C. although   
D. on the other hand  
17. We've just moved to the city, and life here is \_\_\_\_\_\_ convenient \_\_\_\_\_\_ exciting.  
A. either … or  
B. neither … nor  
C. so … that   
D. not only ... but also  
18. The government has built more high-rise buildings \_\_\_\_\_\_ more city dwellers can live closer to the city centre.  
A. so that  
B. although  
C. if  
D. such that  
19. Being a waiter is a tiring job, \_\_\_\_\_\_ it is not a well-paid job.  
A. moreover   
B. although  
C. if   
D. on the other hand  
20. The management has set \_\_\_\_\_\_ challenging targets \_\_\_\_\_\_ most employees are worried about meeting their performance goals.  
A. more ... more   
B. so … that  
C. such … that   
D. not only … but also  
21. As my uncle's company grew over the years, he got \_\_\_\_\_\_.  
A. more and more   
B. less and less  
C. richer and richer  
D. rich and rich  
22. The \_\_\_\_\_\_ the urban population grows, the \_\_\_\_\_\_ serious the housing shortage becomes.  
A. larger … more   
B. large … less  
C. fewer … less  
D. largest … more  
23. \_\_\_\_\_\_ there are more safe cycle lanes, more people will use bicycles instead of cars.  
A. So that  
B. Although  
C. If  
D. While  
24. My friend can't find a suitable job \_\_\_\_\_\_ he has a lot of working experience.  
A. moreover  
B. because  
C. when  
D. although  
25. This is the most rewarding part-time job she \_\_\_\_\_\_ since her graduation.  
A. will do  
B. has done  
C. is going to do  
D. was doing  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
11. B  
  
  
12. C  
  
  
13. C  
  
  
14. D  
  
  
15. A  
  
  
  
  
16. B  
  
  
17. D  
  
  
18. A  
  
  
19. A  
  
  
20. C  
  
  
  
  
21. C  
  
  
22. A  
  
  
23. C  
  
  
24. D  
  
  
25. B  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
11. Chúng ta sử dụng thì hiện tại hoàn thành để nói điều gì đó đã xảy ra bao nhiêu lần với cấu trúc sau: This + be + the first time + Subject + have/has (done)...  
12. Chúng ta sử dụng thì hiện tại hoàn thành để diễn tả một trải nghiệm độc đáo với cấu trúc sau: It/This + be + the best + noun + Subject + have/has (ever done)...  
13. Chúng tôi sử dụng so sánh kép để hiển thị sự thay đổi  
14. Chúng ta sử dụng so sánh kép để nói rằng hai sự vật cùng thay đổi  
15. ‘in fact’ được sử dụng để cung cấp thêm chi tiết về điều gì đó vừa được đề cập.  
16. ‘as a result’ is được sử dụng để chỉ ra rằng một điều được gây ra bởi một cái gì đó khác.  
17. ‘not only ... but also ...’ được sử dụng để nhấn mạnh rằng điều gì đó khác cũng đúng.  
18. ‘so that’ được sử dụng để giới thiệu một mệnh đề mục đích.  
19. ‘moreover’ được sử dụng để giới thiệu một số thông tin mới bổ sung hoặc hỗ trợ những gì bạn đã nói trước đó.  
20. ‘such ... that’ được dùng trong mệnh đề trạng ngữ chỉ kết quả để chỉ kết quả của một hành động hoặc tình huống.  
21. Chúng tôi sử dụng so sánh kép để hiển thị sự thay đổi  
22. Chúng ta sử dụng so sánh kép để nói rằng hai sự vật cùng thay đổi  
23. ‘if’ is dùng để nối hai mệnh đề trong câu nhằm đưa ra một điều kiện.  
24. ‘although’ is được sử dụng để giới thiệu một câu làm cho câu chính trong câu có vẻ đáng ngạc nhiên.  
**Hướng dẫn dịch:**  
11. Đây là lần đầu tiên tôi được tham dự một hội chợ công nghệ sôi động như vậy.  
12. Thử thách lớn nhất mà bạn phải đối mặt trong cuộc sống cho đến nay là gì?  
13. Ngày càng có nhiều học sinh trung học muốn tìm việc làm bán thời gian để tích lũy kinh nghiệm làm việc.  
14. Công ty sản xuất càng nhiều sản phẩm thì càng cần nhiều công nhân.  
15. Mẹ tôi chưa bao giờ học đại học; trên thực tế, cô ấy đã bắt đầu kinh doanh rất thành công sau khi học xong.  
16. Anh trai tôi không thích môi trường làm việc và người quản lý của anh ấy; kết quả là anh ấy quyết định rời bỏ công việc của mình.  
17. Chúng tôi mới chuyển đến thành phố và cuộc sống ở đây không chỉ thuận tiện mà còn thú vị.  
18. Chính phủ đã xây dựng thêm nhiều tòa nhà cao tầng để nhiều người dân thành phố có thể sống gần trung tâm thành phố hơn.  
19. Làm bồi bàn là một công việc mệt mỏi, hơn nữa lại không phải là một công việc được trả lương cao.  
20. Ban quản lý đã đặt ra những mục tiêu đầy thách thức đến mức hầu hết nhân viên đều lo lắng về việc đạt được mục tiêu hiệu suất của mình.  
21. Khi công ty của chú tôi phát triển theo năm tháng, chú ấy ngày càng giàu hơn.  
22. Dân số đô thị càng tăng thì tình trạng thiếu nhà ở càng nghiêm trọng.  
23. Nếu có nhiều làn đường dành cho xe đạp an toàn hơn thì sẽ có nhiều người sử dụng xe đạp thay vì ô tô.  
24. Bạn tôi không thể tìm được công việc phù hợp mặc dù anh ấy có rất nhiều kinh nghiệm làm việc.  
25. Đây là công việc bán thời gian bổ ích nhất mà cô ấy đã làm kể từ khi tốt nghiệp.  
  
**(trang 66 SBT Tiếng Anh 12 Global Success):** Read the following passage and circle the letter A, B, C, or D to indicate the correct word that best fits each of the numbered blanks from 26 to 30. (Đọc đoạn văn sau và khoanh tròn chữ cái A, B, C hoặc D để chỉ ra từ đúng phù hợp nhất với mỗi chỗ trống được đánh số từ 26 đến 30.)  
Good communication  
Good communication is one of the most important soft skills. It can help young people not only find the job they want, but also get (26) to a leadership position. Most companies put communication skills at the top of their requirement list (27) it is the foundation for building successful business relationships. Recruiters always look for excellent communicators, (28) can not only get their message across, but can also listen to others and provide feedback. If candidates can demonstrate good communication skills during their first interview, they will certainly make a good impression on interviewers and increase their chances of being invited to a second interview or even being offered the job. Furthermore, good communication in the workplace is essential for creating a positive working environment, which (29) employees to perform better and be more efficient. Good communicators are able not only to express ideas and thoughts clearly and concisely, but also to motivate and inspire others to work (30) a common goal.  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
26. B  
  
  
27. C  
  
  
28. D  
  
  
29. A  
  
  
30. B  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
Giao tiếp tốt  
Giao tiếp tốt là một trong những kỹ năng mềm quan trọng nhất. Nó có thể giúp những người trẻ không chỉ tìm được công việc mình mong muốn mà còn được thăng tiến lên vị trí lãnh đạo. Phần lớn các công ty đều đặt kỹ năng giao tiếp lên hàng đầu danh sách yêu cầu của họ vì nó là nền tảng để xây dựng mối quan hệ kinh doanh thành công. Các nhà tuyển dụng luôn tìm kiếm những người giao tiếp xuất sắc, những người không chỉ có thể truyền tải thông điệp của họ mà còn có thể lắng nghe người khác và đưa ra phản hồi. Nếu ứng viên có thể thể hiện kỹ năng giao tiếp tốt trong buổi phỏng vấn đầu tiên, chắc chắn họ sẽ tạo ấn tượng tốt với người phỏng vấn và tăng cơ hội được mời phỏng vấn lần thứ hai hoặc thậm chí được mời làm việc. Hơn nữa, giao tiếp tốt ở nơi làm việc là điều cần thiết để tạo ra một môi trường làm việc tích cực, khuyến khích nhân viên làm việc tốt hơn và hiệu quả hơn. Những người giao tiếp tốt không chỉ có khả năng diễn đạt ý tưởng và suy nghĩ một cách rõ ràng và chính xác mà còn có thể thúc đẩy và truyền cảm hứng cho người khác làm việc hướng tới một mục tiêu chung.  
  
**(trang 67-68 SBT Tiếng Anh 12 Global Success):** Read the following passage and circle the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the questions from 31 to 35. (Đọc đoạn văn sau và khoanh tròn chữ cái A, B, C hoặc D để chỉ ra câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi từ 31 đến 35.)  
Over the past few years, working from home has become very popular all over the world. An increasing number of companies allow employees to work from home at least one or two days a week. There are also companies that hire only remote workers. While working from home can come with many benefits, there are also some drawbacks to consider.  
The most common advantage is that it doesn't involve any commute to work. Many people spend more than 30 minutes each way travelling to their workplace and often have to deal with train delays or traffic jams during rush hour. Long daily commuting is also linked with increased levels of stress and anxiety, Therefore, people save time for getting extra sleep or eating a healthy breakfast if they work from home. Furthermore, working from home offers greater flexibility, which means employees can choose when to start and finish their working day as long as they complete all tasks on time and meet the deadlines. By having control over work schedules, people can attend to personal matters and achieve better work-life balance. For example, working mothers can take care of their children or adult learners can fit classes into their busy life.  
However, working from home is not suitable for everyone. Some employees may feel isolated and lonely when they don't have much contact with their colleagues and organisation as a whole. They may miss the social interaction and creative atmosphere in the workplace. They may also prefer face-to-face supervision and meetings with managers or colleagues. Therefore, it would be difficult for these employees to complete their work on their own at home. In addition, when people work from home, they may find it hard to avoid distractions such as screaming children, dogs barking, or household chores. Even if they have a dedicated workspace in their home, it may not be easy for them to stay focused on their work, be efficient, and meet targets.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Trong vài năm qua, làm việc tại nhà đã trở nên rất phổ biến trên toàn thế giới. Ngày càng có nhiều công ty cho phép nhân viên làm việc tại nhà ít nhất một hoặc hai ngày một tuần. Cũng có những công ty chỉ thuê nhân viên ở xa. Mặc dù làm việc tại nhà có thể mang lại nhiều lợi ích nhưng cũng có một số hạn chế cần cân nhắc.  
Ưu điểm phổ biến nhất là nó không liên quan đến việc đi lại làm việc. Nhiều người phải mất hơn 30 phút mỗi chiều để đến nơi làm việc và thường phải đối mặt với tình trạng chậm tàu ​​hoặc ùn tắc giao thông trong giờ cao điểm. Việc đi lại dài ngày hàng ngày cũng có liên quan đến mức độ căng thẳng và lo lắng gia tăng. Do đó, mọi người sẽ tiết kiệm thời gian để ngủ thêm hoặc ăn bữa sáng lành mạnh nếu làm việc ở nhà. Hơn nữa, làm việc tại nhà mang lại sự linh hoạt cao hơn, có nghĩa là nhân viên có thể chọn thời điểm bắt đầu và kết thúc ngày làm việc của mình miễn là họ hoàn thành mọi nhiệm vụ đúng hạn và đáp ứng thời hạn. Bằng cách kiểm soát lịch làm việc, mọi người có thể giải quyết các vấn đề cá nhân và đạt được sự cân bằng tốt hơn giữa công việc và cuộc sống. Ví dụ, những bà mẹ đi làm có thể chăm sóc con cái của họ hoặc những học viên trưởng thành có thể sắp xếp các lớp học phù hợp với cuộc sống bận rộn của họ.  
Tuy nhiên, làm việc tại nhà không phải phù hợp với tất cả mọi người. Một số nhân viên có thể cảm thấy bị cô lập và cô đơn khi họ không có nhiều liên lạc với đồng nghiệp và tổ chức của mình. Họ có thể bỏ lỡ sự tương tác xã hội và bầu không khí sáng tạo ở nơi làm việc. Họ cũng có thể thích sự giám sát trực tiếp và gặp gỡ với người quản lý hoặc đồng nghiệp. Vì vậy, những nhân viên này sẽ khó có thể tự mình hoàn thành công việc tại nhà. Ngoài ra, khi mọi người làm việc tại nhà, họ có thể khó tránh khỏi những phiền nhiễu như tiếng trẻ con la hét, tiếng chó sủa hay việc nhà. Ngay cả khi họ có một không gian làm việc chuyên dụng tại nhà, họ có thể không dễ dàng tập trung vào công việc, làm việc hiệu quả và đạt được mục tiêu.  
31. Which of the following can be the best title for the passage?  
A. Why employees need to work from home  
B. Pros and cons of working from home  
C. Working from home is not for everyone  
D. The future of working from home  
32. Which of the following is NOT a benefit of working from home according to paragraph 2?  
A. You don't travel during rush hour.  
B. You spend more time sleeping.  
C. You work flexible hours to suit your lifestyle.  
D. You don't have to meet deadlines.  
33. The word “their” in paragraph 2 refers to \_\_\_\_\_\_\_.  
A. people's  
B. employees'  
C. managers'  
D. adult learners'  
34. The word 'distractions' in paragraph 3 is closest in meaning to \_\_\_\_\_\_\_.  
A. interruptions  
B. chores  
C. disorders  
D. stresses  
35. According to paragraph 3, which of the following is NOT a disadvantage of working from home?  
A. Feeling disconnected from colleagues and the organisation as a whole.  
B. Having no in-person meetings or supervision.  
C. Being unable to stay focused at home.  
D. Having to design a dedicated workspace at home.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
31. B  
  
  
32. D  
  
  
33. B  
  
  
34. A  
  
  
35. D  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
31. Thông tin: While working from home can come with many benefits, there are also some drawbacks to consider. (Mặc dù làm việc tại nhà có thể mang lại nhiều lợi ích nhưng cũng có một số hạn chế cần cân nhắc.)  
32. Thông tin: Furthermore, working from home offers greater flexibility, which means employees can choose when to start and finish their working day as long as they complete all tasks on time and meet the deadlines. (Hơn nữa, làm việc tại nhà mang lại sự linh hoạt cao hơn, có nghĩa là nhân viên có thể chọn thời điểm bắt đầu và kết thúc ngày làm việc của mình miễn là họ hoàn thành mọi nhiệm vụ đúng hạn và đáp ứng thời hạn.)  
33. Thông tin: Furthermore, working from home offers greater flexibility, which means employees can choose when to start and finish their working day as long as they complete all tasks on time and meet the deadlines. (Hơn nữa, làm việc tại nhà mang lại sự linh hoạt cao hơn, có nghĩa là nhân viên có thể chọn thời điểm bắt đầu và kết thúc ngày làm việc của mình miễn là họ hoàn thành mọi nhiệm vụ đúng hạn và đáp ứng thời hạn.)  
34. distraction = interruptions (điều gây xao nhãng)  
35. Thông tin: Even if they have a dedicated workspace in their home, it may not be easy for them to stay focused on their work, be efficient, and meet targets. (Ngay cả khi họ có một không gian làm việc chuyên dụng tại nhà, họ có thể không dễ dàng tập trung vào công việc, làm việc hiệu quả và đạt được mục tiêu.)  
**Hướng dẫn dịch:**  
31. Điều nào sau đây có thể là tiêu đề phù hợp nhất cho đoạn văn?  
- Ưu và nhược điểm của việc làm việc tại nhà  
32. Điều nào sau đây KHÔNG phải là lợi ích của việc làm việc tại nhà theo đoạn 2?  
- Bạn không cần phải đáp ứng thời hạn.  
33. Từ “của họ” ở đoạn 2 có nghĩa là “nhân viên”.  
34. Từ 'làm phiền' ở đoạn 3 có nghĩa gần nhất với sự gián đoạn.  
35. Theo đoạn 3, điều nào sau đây KHÔNG phải là bất lợi khi làm việc tại nhà?  
- Phải thiết kế không gian làm việc riêng tại nhà.  
  
**(trang 68-69 SBT Tiếng Anh 12 Global Success):** Read the following passage and circle the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the questions from 36 to 42. (Đọc đoạn văn sau và khoanh tròn chữ cái A, B, C hoặc D để chỉ ra câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi từ 36 đến 42.)  
Urbanisation occurs in many parts of the world, both in developed and developing nations. It refers to the process in which urban areas grow as people leave the countryside or more factories and towns are built in rural areas. This can lead to the concentration of populations into towns and cities. When properly planned, urbanisation can bring a number of benefits, especially for the economy and society. However, if it is poorly managed, it can pose a significant challenge to maintaining the sustainability of these areas.  
Big cities attract a lot of people as they usually offer more employment opportunities as well as a better life. The economy of urban areas tends to grow rapidly as more businesses and factories are created, and more workers are needed. Economic growth also leads to an increase in household income and spending. This also encourages governments to spend money on better schools, hospitals, roads, public transport, and more. As cities expand, many more facilities such as public parks and gardens, swimming pools, libraries, cinemas, and sports centres are built. These are just some of the spaces that make city life exciting and appealing to people of all ages.  
However, when too many people move to a big city, without good planning and investment, its infrastructure can become ineffective. For example, big urban areas can easily get overcrowded as railway networks and roads can't cope with the large number of passengers. The economic growth and expansion of big cities come at a big price for local residents as house prices and rents go up, and they can't afford to either buy or rent. Another problem is that big cities are experiencing more air pollution than rural areas. This can increase the risk of infections, heart disease, and lung cancer, and severely affect people who are ill.  
Urbanisation is a process that cannot be stopped and the best way to minimise the problems caused by it is to plan for the growth and all the resources needed, and make sure the infrastructure can support the increasing population.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Đô thị hóa diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới, cả ở các quốc gia phát triển và đang phát triển. Nó đề cập đến quá trình các khu vực đô thị phát triển khi người dân rời khỏi vùng nông thôn hoặc nhiều nhà máy và thị trấn được xây dựng ở khu vực nông thôn. Điều này có thể dẫn đến sự tập trung dân cư vào các thị trấn và thành phố. Khi được quy hoạch hợp lý, đô thị hóa có thể mang lại nhiều lợi ích, đặc biệt cho nền kinh tế và xã hội. Tuy nhiên, nếu quản lý kém, nó có thể đặt ra thách thức đáng kể cho việc duy trì tính bền vững của các khu vực này.  
Các thành phố lớn thu hút rất nhiều người vì chúng thường mang lại nhiều cơ hội việc làm hơn cũng như cuộc sống tốt hơn. Nền kinh tế đô thị có xu hướng phát triển nhanh chóng khi ngày càng có nhiều doanh nghiệp, nhà máy được thành lập và cần nhiều lao động hơn. Tăng trưởng kinh tế cũng dẫn đến tăng thu nhập và chi tiêu hộ gia đình. Điều này cũng khuyến khích các chính phủ chi tiền vào trường học, bệnh viện, đường sá, giao thông công cộng tốt hơn, v.v. Khi các thành phố mở rộng, nhiều cơ sở vật chất hơn như công viên và vườn công cộng, bể bơi, thư viện, rạp chiếu phim và trung tâm thể thao được xây dựng. Đây chỉ là một số không gian làm cho cuộc sống thành phố trở nên thú vị và hấp dẫn mọi người ở mọi lứa tuổi.  
Tuy nhiên, khi có quá nhiều người chuyển đến một thành phố lớn mà không được quy hoạch và đầu tư tốt, cơ sở hạ tầng có thể trở nên kém hiệu quả. Ví dụ, các khu đô thị lớn có thể dễ dàng bị quá tải do mạng lưới đường sắt và đường bộ không thể đáp ứng được số lượng lớn hành khách. Sự tăng trưởng kinh tế và mở rộng của các thành phố lớn phải trả giá đắt cho người dân địa phương khi giá nhà và giá thuê tăng cao, và họ không đủ khả năng để mua hoặc thuê. Một vấn đề khác là các thành phố lớn đang bị ô nhiễm không khí nhiều hơn khu vực nông thôn. Điều này có thể làm tăng nguy cơ nhiễm trùng, bệnh tim và ung thư phổi và ảnh hưởng nghiêm trọng đến những người bị bệnh.  
Đô thị hóa là một quá trình không thể dừng lại và cách tốt nhất để giảm thiểu những vấn đề do nó gây ra là lập kế hoạch cho sự tăng trưởng và tất cả các nguồn lực cần thiết, đồng thời đảm bảo cơ sở hạ tầng có thể hỗ trợ dân số ngày càng tăng.  
36. Which of the following can be the best title for the passage?  
A. Urbanisation history  
B. Causes of urbanisation  
C. The rapid speed of urbanisation  
D. Positive and negative effects of urbanisation  
37. The word “concentration” in paragraph 1 is closest in meaning to \_\_\_\_\_\_.  
A. emphasis  
B. gathering  
C. attention  
D. worry  
38. According to paragraph 2, which of the following is NOT a reason why people move to big cities?  
A. Higher earnings.  
B. Government spending.  
C. More job opportunities.  
D. A wide range of modern services.  
39. The word “appealing” in paragraph 2 is closest in meaning to \_\_\_\_\_\_.  
A. attractive  
B. demanding  
C. exciting  
D. glamorous  
40. The phrase “come at a big price” in paragraph 3 mostly means \_\_\_\_\_\_.  
A. have an unpleasant consequence  
B. make big cities expensive  
C. give local residents a lot of money  
D. have something positive as a result  
41. The word “they” in paragraph 3 refers to \_\_\_\_\_\_.  
A. big cities  
B. passengers  
C. house prices   
D. local residents  
42. Which of the following can be inferred from the passage?  
A. Economic growth can help minimise the problems of urbanisation.  
B. Governments need to modernise city facilities.  
C. Good urban planning is needed to manage rapid urbanisation.  
D. Urbanisation only affects rural areas.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
36. D  
  
  
37. B  
  
  
38. B  
  
  
39. A  
  
  
  
  
40. A  
  
  
41. D  
  
  
42. C  
  
  
   
  
  
  
  
**Giải thích:**  
36. Thông tin: When properly planned, urbanisation can bring a number of benefits, especially for the economy and society. However, if it is poorly managed, it can pose a significant challenge to maintaining the sustainability of these areas. (Khi được quy hoạch hợp lý, đô thị hóa có thể mang lại nhiều lợi ích, đặc biệt cho nền kinh tế và xã hội. Tuy nhiên, nếu quản lý kém, nó có thể đặt ra thách thức đáng kể cho việc duy trì tính bền vững của các khu vực này.)  
37. concentration (tập trung) = gathering (tụ họp)  
38. Thông tin: The economy of urban areas tends to grow rapidly as more businesses and factories are created, and more workers are needed. Economic growth also leads to an increase in household income and spending. This also encourages governments to spend money on better schools, hospitals, roads, public transport, and more. As cities expand, many more facilities such as public parks and gardens, swimming pools, libraries, cinemas, and sports centres are built. (Nền kinh tế đô thị có xu hướng phát triển nhanh chóng khi ngày càng có nhiều doanh nghiệp, nhà máy được thành lập và cần nhiều lao động hơn. Tăng trưởng kinh tế cũng dẫn đến tăng thu nhập và chi tiêu hộ gia đình. Điều này cũng khuyến khích các chính phủ chi tiền vào trường học, bệnh viện, đường sá, giao thông công cộng tốt hơn, v.v. Khi các thành phố mở rộng, nhiều cơ sở vật chất hơn như công viên và vườn công cộng, bể bơi, thư viện, rạp chiếu phim và trung tâm thể thao được xây dựng.)  
39. appealing = attractive (thu hút)  
40. come at a big price (có giá đắt)  
41. Thông tin: The economic growth and expansion of big cities come at a big price for local residents as house prices and rents go up, and they can't afford to either buy or rent. (Sự tăng trưởng kinh tế và mở rộng của các thành phố lớn phải trả giá đắt cho người dân địa phương khi giá nhà và giá thuê tăng cao, và họ không đủ khả năng để mua hoặc thuê.)  
42. Thông tin: Urbanisation is a process that cannot be stopped and the best way to minimise the problems caused by it is to plan for the growth and all the resources needed, and make sure the infrastructure can support the increasing population. (Đô thị hóa là một quá trình không thể dừng lại và cách tốt nhất để giảm thiểu những vấn đề do nó gây ra là lập kế hoạch cho sự tăng trưởng và tất cả các nguồn lực cần thiết, đồng thời đảm bảo cơ sở hạ tầng có thể hỗ trợ dân số ngày càng tăng.)  
**Hướng dẫn dịch:**  
36. Điều nào sau đây có thể là tiêu đề phù hợp nhất cho đoạn văn?  
- Tác động tích cực và tiêu cực của đô thị hóa  
37. Từ “tập trung” ở đoạn 1 gần nghĩa nhất với tụ tập.  
38. Theo đoạn 2, điều nào sau đây KHÔNG phải là lý do khiến mọi người chuyển đến các thành phố lớn?  
- Chi tiêu chính phủ.  
39. Từ “hấp dẫn” ở đoạn 2 gần nghĩa nhất với hấp dẫn.  
40. Cụm từ “come at a big price” ở đoạn 3 chủ yếu có nghĩa là gây ra hậu quả khó chịu.  
41. Từ “họ” ở đoạn 3 đề cập đến cư dân địa phương.  
42. Điều nào sau đây có thể được suy ra từ đoạn văn?  
- Cần có quy hoạch đô thị tốt để quản lý quá trình đô thị hóa nhanh chóng.  
  
**(trang 69 SBT Tiếng Anh 12 Global Success):** Circle the letter A, B, C, or D to indicate the sentence that best combines each pair of sentences in the following questions. (Khoanh tròn chữ cái A, B, C hoặc D để chỉ ra câu kết hợp tốt nhất từng cặp câu trong các câu hỏi sau.)  
43. A lot of high-rise buildings have been built recently. There is still a housing shortage.  
A. A lot of high-rise buildings have been built recently; moreover, there is still a housing shortage.  
B. Although a lot of high-rise buildings have been built recently, there is still a housing shortage.  
C. A lot of high-rise buildings have been built recently; as a result, there is still a housing shortage.  
D. A lot of high-rise buildings have been built recently because there is still a housing shortage.  
44. More schools and universities are opening in the city. Students have more educational opportunities.  
A. The more schools and universities are opening in the city, the more educational opportunities students have.  
B. More and more schools and universities are opening in the city, and fewer students have educational opportunities.  
C. The fewer schools and universities are opening in the city, the better education students have.  
D. More schools and universities are opening in the city, and better students have educational opportunities.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
43. B  
  
  
44. A  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
43. Gần đây có rất nhiều tòa nhà cao tầng được xây dựng. Vẫn còn tình trạng thiếu nhà ở.  
B. Mặc dù gần đây có rất nhiều tòa nhà cao tầng được xây dựng nhưng tình trạng thiếu nhà ở vẫn còn.  
44. Ngày càng có nhiều trường học và đại học được mở trong thành phố. Học sinh có nhiều cơ hội học tập hơn.  
A. Càng mở nhiều trường học và đại học trong thành phố, học sinh càng có nhiều cơ hội học tập.  
  
**(trang 70 SBT Tiếng Anh 12 Global Success):** Circle the letter A, B, C, or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions. (Khoanh tròn chữ cái A, B, C, hoặc D để chỉ ra phần gạch chân cần sửa trong mỗi câu hỏi sau.)  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
45. B (went → have gone)  
  
  
46. A (Unless → If)  
  
  
47. C (but → x)  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
46. unless’ dùng để nối hai mệnh đề trong câu nhằm đưa ra điều kiện và có nghĩa là ‘except if’.  
47. ‘although’ được dùng để nối hai mệnh đề trong một câu phức, chúng ta luôn không dùng ‘but’ trong câu.  
48. unless’ dùng để nối hai mệnh đề trong câu nhằm đưa ra điều kiện và có nghĩa là ‘except if’.  
**Hướng dẫn dịch:**  
45. Đây là lần thứ hai chúng tôi đi hội chợ việc làm dành cho học sinh cấp 2.  
46. Nếu chính quyền địa phương không đầu tư vào nông thôn, sẽ có nhiều người rời bỏ nông thôn hơn.  
47. Mặc dù dạy học ở trường tiểu học là một công việc đầy thách thức nhưng nó mang lại nhiều lợi ích về nhiều mặt khác.  
  
**(trang 70 SBT Tiếng Anh 12 Global Success):** Circle the letter A, B, C, or D to indicate the sentence that is closest in meaning to each of the following questions. (Khoanh tròn chữ cái A, B, C hoặc D để chỉ ra câu có nghĩa gần nhất với mỗi câu hỏi sau.)  
48. If graduates have work experience, they will have a better chance of finding a job.  
A. Unless graduates have work experience, they won't have a better chance of finding a job.  
B. The better chance of finding a job graduates have, the more work experience they have.  
C. Graduates will have more work experience, and they will find a better job.  
D. Although graduates don't have work experience, they still have a good chance of finding a better job.  
49. The local authority plans to improve public transport to ensure getting around the city is more convenient for local residents.  
A. The local authority plans to improve public transport; however, getting around the city for local residents is more convenient.  
B. Public transport is becoming more and more convenient, so the local authority plans to improve the way local residents get around.  
C. The local authority plans to improve public transport so that local residents find travelling around the city more convenient.  
D. Although the local authority plans to improve public transport, they cannot make getting around the city more convenient.  
50. The job requires both vocational qualifications and work experience.  
A. The job requires either vocational qualifications or work experience.  
B. The job requires neither vocational qualifications nor work experience.  
C. The job requires work experience, but vocational qualifications are not necessary.  
D. The job requires not only vocational qualifications, but also work experience.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
48. A  
  
  
49. C  
  
  
50. D  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
48. Nếu sinh viên tốt nghiệp có kinh nghiệm làm việc, họ sẽ có cơ hội tìm được việc làm cao hơn.  
A. Trừ khi sinh viên tốt nghiệp có kinh nghiệm làm việc, họ sẽ không có cơ hội tìm việc làm tốt hơn.  
49. Chính quyền địa phương có kế hoạch cải thiện giao thông công cộng để đảm bảo việc đi lại trong thành phố thuận tiện hơn cho người dân địa phương.  
C. Chính quyền địa phương có kế hoạch cải thiện giao thông công cộng để người dân địa phương thấy việc đi lại quanh thành phố thuận tiện hơn.  
50. Công việc đòi hỏi cả trình độ chuyên môn và kinh nghiệm làm việc.  
D. Công việc không chỉ yêu cầu trình độ chuyên môn mà còn cả kinh nghiệm làm việc.  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 12 sách Global success hay khác:**  
Unit 6: Artificial intelligence  
Unit 7: The world of mass media  
Unit 8: Wildlife conservation  
Test yourself 3  
Unit 9: Career paths